

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Nha

Ông Đặng Văn Pé

-Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1995; cư trú tại: Thôn N, xã B, huyện L; tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm 1996; cư trú tại: Thôn N, xã B, huyện L; hiện nay đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở cai nghiện bắt buộc tỉnh Lạng Sơn, km 1x, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09-11-2020, bản khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ trình bày:

Chị Hoàng Thị Đ và anh Phan Văn H quen biết nhau, tự nguyện tìm hiểu, việc kết hôn giữa hai người là trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 16-01-2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, tuy nhiên sau đó anh Phan Văn H nghiện ma túy

nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2019 đến nay và sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Hoàng Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phan Văn H. Về con chung: Có 01 con chung là Phan Thị Thảo N, sinh ngày 17-01-2014, hiện con đang chung sống cùng chị. Khi ly hôn chị Hoàng Thị Đ yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho tới tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Phan Văn H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm do chị là dân tộc Tày, sống vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Bị đơn anh Phan Văn H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15-12-2020 trình bày: Anh và chị Hoàng Thị Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2017 anh mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến giữa năm 2019 chị Hoàng Thị Đ đã bỏ về bên nhà ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân có gọi điện hỏi thăm nhau. Chị Hoàng Thị Đ làm đơn ly hôn anh không nhất trí do vẫn còn tình cảm với chị Hoàng Thị Đ. Anh Phan Văn H đã nhận được Thông báo thụ lý và giấy triệu tập nhưng do anh đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc tỉnh Lạng Sơn nên anh không thể đến Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung có 01 con chung như chị Hoàng Thị Đ trình bày là đúng, khi ly hôn anh Phan Văn H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tới tuổi trưởng thành. Không yêu cầu chị Hoàng Thị Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan Văn H cũng xác nhận không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, thủ tục phiên tòa được thực hiện đúng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; tại phiên tòa triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có mặt, bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng quyết định tiếp tục xét xử đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị Đ và anh Phan Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 16-01-2017, vì vậy xác định hôn nhân là hợp pháp, trong quá trình chung sống xảy ra

mâu thuẫn, ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh Phan Văn H không nhất trí ly hôn, không chấp hành theo giấy triệu tập, chưa có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân nghiện ma túy vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Đ và anh Phan Văn H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị Hoàng Thị Đ xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Có 01 con chung là Phan Thị Thảo N, sinh ngày 17-01-2014, hiện con đang chung sống cùng chị Hoàng Thị Đ. Khi ly hôn giao con chị Hoàng Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho tới tuổi trưởng thành. Anh Phan Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hoàng Thị Đ không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Chị Hoàng Thị Đ được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ, bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Văn H, cư trú tại thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không hiểu nhau, anh Phan Văn H sa vào tệ nạn xã hội nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, bất đồng quan điểm và bị đơn anh Phan Văn H cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi nhau; chị Hoàng Thị Đ và anh Phan Văn H đều xác nhận đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị Hoàng Thị Đ và anh Phan Văn H đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Phan Văn H mong muốn về đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị Đ và anh Phan Văn H có 01 con chung là Phan Thị Thảo N, sinh ngày 17-01-2014, chị Hoàng Thị Đ và anh Phan Văn H đều yêu cầu khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho tới tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét đến

điều kiện chăm sóc con chung thì chị Hoàng Thị Đ hiện làm công nhân có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi con, mặt khác cháu Phan Thị Thảo N là con gái, nên giao cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp cho phát triển tâm sinh lý của cháu; anh Phan Văn H hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn không đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao con cho chị Hoàng Thị Đ chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị Đ xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm do chị là người dân tộc thiểu số, dân tộc Tày sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hoàng Thị Đ.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Đ được ly hôn với anh Phan Văn H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 02, đăng ký ngày 16-01-2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Đ được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phan Thị Thảo N, sinh ngày 17-01-2014 cho tới tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phan Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị Đ không yêu cầu.

Anh Phan Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Hoàng Thị Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0001437 ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Hoàn trả cho chị Hoàng Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Đ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Phan Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã B, h L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Mai